

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **182/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 21 tháng 10 năm 2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Kiệt.
2. Bà Nguyễn Thị Hôn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Tín - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 594/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Ngọc H**, sinh năm 1974;

Địa chỉ: 8K10 đường H, khu phố B, phường B, thành phố M, Tiền Giang.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1970;

Địa chỉ: 7A10 đường N, khu phố S, phường B, thành phố M, Tiền Giang.

(Có mặt chị H, vắng mặt anh Đ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 16/8/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Lê Ngọc H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang vào ngày 03/11/1994. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Đ không lo chăm sóc và phụ giúp gia đình. Vợ chồng ly thân từ năm 2004 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 28/01/1995 và Nguyễn Ngọc Thảo N, sinh ngày 29/11/1996. Hai con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Tại phiên tòa:

Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Ngọc H và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 59, ngày 03/11/1994. Chị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Đ nên đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Anh Nguyễn Văn Đ cư trú tại số 7A10 đường N, khu phố S, phường B, thành phố M, Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M theo quy định tại Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Ngọc H và anh Nguyễn Văn Đ được Ủy ban nhân dân phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân của chị H và anh Đ là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986.

Xét thấy từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, Tòa án đã triệu tập anh Đ đến Tòa án nhưng anh vắng mặt không có lý do, anh Đ không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng nên anh Đ đã mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Hiện tại chị H trình bày không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống đời sống vợ chồng với anh Đ nên đã nộp đơn ly hôn và tại phiên tòa vẫn cương quyết ly hôn. Đời sống vợ chồng giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, cả hai không còn yêu thương quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ tháng 2004 cho đến nay. Nhận thấy đời sống chung của anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 28/01/1995 và Nguyễn Ngọc Thảo N, sinh ngày 29/11/1996. Hai con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Yên N, sinh ngày 28/01/1995 và Nguyễn Ngọc Thảo N, sinh ngày 29/11/1996. Hai con chung đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Lê Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000272 ngày 16/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP M;
- Chi cục THADS TP M;
- UBND phường B, TP M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Huyền Ni